

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày 01/ 02/ 2018

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Hịa
2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện ĐB

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên

Ngày 01/02/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2017/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 10/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T - Sinh năm 1995 (Có mặt).

Nơi ĐKNKTT: Đội 1B bản N, xã T, huyện ĐB

Trú tại: Bản S 2, xã T2, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn X, sinh năm 1980.

Trú tại: Đội 1B bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/9/2017 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện ĐB, chị Lương Thị T(nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Tòng Văn X cưới nhau theo phong tục tập quán năm 2015 sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 22/01/2016, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc được hơn một năm từ ngày c- ới đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X nghiện ma túy, không tu chí làm ăn. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh từ bỏ ma túy nhưng anh X không nghe vẫn tái nghiện. Chúng tôi đã hòa giải không thành. Tôi đã bỏ về nhà bố mẹ để sống từ ngày 20/9/2016 cho đến nay không quay lại. Từ đó anh X đã bỏ mặc không quan tâm và cũng không một lần

quay lại thăm nom hay đón 3 mẹ con tôi về nhà. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐB giải quyết cho tôi được ly hôn với anh X.

2. Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 02 con chung là: Tòng Văn M, sinh ngày 28/6/2015 và Tòng Thị T, sinh ngày 21/02/2017, hiện chị T đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Nay ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung vì các cháu còn rất nhỏ và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/10/2017, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị T cho anh X biết. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành niêm yết biên bản giao thông báo thụ lý vụ án tại trụ sở UBND xã T và niêm yết tại gia đình anh X ngày 09/10/2017. Nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án anh X không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 10/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh X nhưng anh X vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa. Và tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Tòng Văn X đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn cùng có địa chỉ tại Đội 1b bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; 179/ BLTTDS, việc anh X không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh X đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS(2015). HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Tòng Văn X tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh X có sử dụng chất ma túy không quan tâm đến vợ con dẫn đến mất lòng tin với nhau, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 9/2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn yên thương, quý trọng, đi lại chăm sóc giúp đỡ nhau nữa, bản

thân anh X cũng không có ý định hàn gắn tình cảm, anh bỏ mặc chị T cùng các con sống bên ngoại. Tại đơn đề nghị của chị T có xác nhận của UBND xã T về tình trạng hôn nhân cùng biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập cho thấy anh X và chị T về chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh X không tu chí làm ăn, lại mắc nghiện ma túy. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để sống từ tháng 9/2016 cho đến nay. Bản thân chị T xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị T và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân hơn một năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị T cùng các con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Tòng Văn X.

[3] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là: Tòng Văn M, sinh ngày 28/6/2015 và Tòng Thị T, sinh ngày 21/02/2017, hiện chị T đang trực tiếp nuôi 02 con; Xét thấy hiện tại chị T mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung vì các cháu hiện còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã T anh X đi làm thuê thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc các con. HĐXX căn cứ Điều 69 và Khoản 3 Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị T, Giao hai con cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh X có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lường Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị T được ly hôn với anh Tòng Văn X.
2. Về con chung: Chị Lường Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng hai con chung là Tòng Văn M, sinh ngày 28/6/2015 và Tòng Thị T, sinh

ngày 21/02/2017 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Tòng Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của chị Lường Thị T.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lường Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002653 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên